

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HSST
Ngày 23 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Khoa Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Thân**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Đặng Xuân Bộ** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện VKSND huyện Thanh Thủy tham gia phiên toà: Ông **Hoàng Tuấn Dũng**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2019/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Lương Văn T, sinh ngày 05/5/1988, ở khu 2 xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ĐKKHKT + Chỗ ở hiện nay: Khu 2 xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá lớp: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lương Văn B – SN 1954. Con bà Trần Thị M, SN 1956. Hiện nay ở tại xã B, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Anh, chị, em ruột: Có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ 4.

Vợ: Giang Thị Ngọc L – SN 1995.

Con: Chưa có con.

Tiền án: Tại bản án số 09/2011/HSST ngày 24/02/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Xử phạt bị cáo Lương Văn T 6 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/5/2011, bị cáo chấp hành xong các khoản án phí Hình sự và thu hồi để tịch thu sung quỹ Nhà nước ngày 23/9/2014.

Tiền sự: Không.

Bị cáo Lương Văn T bị bắt tạm giữ từ ngày 08/5/2015 đến ngày 11/5/2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương.

Ngày 19/4/2019 bị cáo Lương Văn T bị bắt tạm giam. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Bùi Thu Hà – Trợ giúp viên pháp lý- T3 tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ (Có mặt)

Bị hại:

1. Bà Cao Thị H - SN 1956
Địa chỉ: Khu 2 xã T, huyện T, tỉnh P
2. Ông Đàm Ngọc Đ - SN 1964 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 8 xã Đ, huyện T, tỉnh P
3. Anh Quyết Đức P - SN 1986 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 4 xã T, huyện T, tỉnh P
4. Anh Phạm T1 - SN 1986 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 9 xã B, huyện T, tỉnh P
5. Chị Phùng Thị L - SN 1998 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 6 xã H, huyện T, tỉnh P
6. Chị Phà Thị K - SN 1988 (Vắng mặt)
Địa chỉ: xã P, huyện V, tỉnh H

Người làm chứng:

1. Anh Kiều XuânT2 - SN 1990 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 2 xã B, huyện T, tỉnh P
2. Anh Lương Đình H1 - SN 1990 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 2 xã B, huyện T, tỉnh P
3. Anh Lương Thanh N - SN 1994 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 5 xã B, huyện T, tỉnh P
4. Anh Trần Hoàng T3 - SN 1990 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 1 thị trấn T, huyện T, tỉnh P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/12/2014 Công an huyện Thanh Thủy nhận được báo cáo của Công an xã B với nội dung: Đêm ngày 29/12/2014 gia đình anh Phạm T1 – sinh năm 1986, ở Khu 9 xã B bị kẻ gian bắt trộm 24 con gà ta lai mía, trọng lượng mỗi con khoảng 2kg. Tổng trị giá thiệt hại khoảng 4.000.000đ. Qua công tác nắm tình hình, Cơ quan Công an xác định rạng sáng ngày 30/12/2014 tại Quốc lộ 32 thuộc địa phận thôn Cộng Hòa, xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, một nhóm thanh niên đi xe ô tô 4 chỗ BKS 29U – 09xx đâm vào cột đèn đường. Công an xã Thái Hòa kiểm tra phương tiện tai nạn phát hiện trong cốp xe có 34 con gà. Các đối tượng trên xe ô tô gồm: Kiều XuânT2 - sinh năm 1990; Lương Đình H1 - sinh năm 1990; Lương Thanh N - sinh năm 1994; Lương Văn T - sinh năm 1988, đều trú tại xã B - huyện T và Trần Hoàng T3 - sinh năm 1990, ở thị trấn T - huyện T.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng T, T3, N và T2 khai nhận cùng H1 tham gia trộm cắp gà của 4 gia đình ở các xã T, T, Đ, B vào đêm ngày 29/12/2014 bằng xe ô tô do T2 thuê của anh Đình Tiến Đ- sinh năm 1970, ở khu phố thị trấn Thanh Thủy - huyện Thanh Thủy sau đó mang đi Hà Nội tiêu thụ. Trên đường đi đến xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội thì xe ô tô bị tai nạn. Căn cứ vào lời khai của các đối tượng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã xác minh và xác định được 4 gia đình bị mất trộm gà gồm:

1. Bà Cao Thị H – sinh năm 1956, ở khu 2 xã T, bị mất trộm 02 con gà mái, giống gà ta, trọng lượng mỗi con khoảng 2kg.

2. Anh Quyết Đức P – sinh năm 1986, ở khu 4 xã T, bị mất trộm 07 con gà (03 con trống, 04 con mái), giống gà đỏ Bắc Giang, trọng lượng mỗi con khoảng 2,5kg.

3. Ông Đàm Ngọc Đ – sinh năm 1964, ở khu 8 xã Đ, bị mất trộm 01 con gà mái, giống gà ta, trọng lượng khoảng 2kg.

4. Anh Phạm T1 – sinh năm 1986, ở khu 9 xã B, bị mất trộm 24 con gà (12 con trống, 12 con mái), giống gà ta lai mía. Trọng lượng mỗi con khoảng hơn 2kg.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã làm rõ nội dung vụ án như sau: Chiều ngày 29/12/2014, Kiều Xuân T2 lái xe ô tô BKS 29U – 09xx chở Lương Thanh N, Lương Đình H1 vào trang trại của Trần Hoàng T3 ở xã V - huyện Thanh Sơn - tỉnh Phú Thọ để uống rượu. Khi biết T2, Nh và H1 định đi Hà Nội chơi thì T3 xin đi cùng. T2 đồng ý và bảo sáng mai khi nào đi sẽ qua đón T3. Uống rượu xong, T2 cùng N và H1 về quán cà phê Phố Nhỏ ở khu 1 xã B, huyện Thanh Thủy uống cà phê. Tại đây T2 gặp và rủ Lương Văn T - sinh năm 1988 ở khu 2 xã B về nhà H1 để hôm sau đi Hà Nội chơi thì T đồng ý. Sau đó T2 lái xe chở T, H1, N về nhà H1 ngủ. Đến khoảng 23 giờ T2 gọi mọi người dậy đi vào xã V, huyện Thanh Sơn đón T3 rồi đi Hà Nội luôn. Sau khi đón được T3 cả nhóm đi ra Thanh Thủy để đi Hà Nội. Trên đường đi, T2 nói “mai phải trả xe rồi đây nhưng không có tiền” thì H1 nói “ngày mai là ngày thứ hai rồi đây”. Nghe thấy thế T bảo “hay đi bắt trộm gà” thì mọi người đồng ý. Sau đó, T2 lái xe đưa T3, N, T, H1 ra Thanh Thủy để trộm cắp gà. Trên đường đi T2 dừng xe cho T xuống nhặt 02 bao tải ở bên đường. T2 lái xe đi theo lộ trình xã V – xã Hương Cần (huyện Thanh Sơn) – xã Hoàng Xá – xã B (huyện Thanh Thủy), rồi đi theo tỉnh lộ 317 lên xã T3 Nghĩa, huyện Thanh Thủy. Đi đến ngã ba T lỏi rẽ đi UBND xã T thì T2 dừng xe cho T, T3, N xuống xe đi bắt trộm gà, còn T2 và H1 ở lại xe ô tô, quay đầu xe đợi ở ngoài ngã ba. Đến trước cửa nhà bà Cao Thị H – sinh năm 1956, ở khu 2 xã T thì N ở ngoài cánh giới cho T và T3 vào bắt trộm gà. Thấy gà kêu nên T3 chạy ra trước, T bắt được 02 con gà mái rồi mang ra xe ô tô để trong khoang ngồi, T, T3 và N lên xe ô tô, rồi T2 lái xe đi xuống xã Đồng Luận. Đi đến đoạn đường vắng, T2 dừng xe cho T thả gà vào cốp xe. Sau đó T2 lái xe rẽ vào xã T, đến nhà anh Quyết Đức P - sinh năm 1986, ở khu 4 xã T, T3 và T thấy chuồng chăn nuôi sau nhà có bóng điện sáng nên bảo T2 dừng xe để T3, N, T xuống xe vào bắt gà. T vào chuồng kiểm tra trước còn N và T3 ở ngoài đợi. Sau khi kiểm tra thấy có gà T gọi T3 và N vào bắt gà. T3 đi vào chuồng gà theo T, còn N ở ngoài sân cánh giới. T bắt gà còn T3 vạch tải cho T thả vào. Đang bắt thì gà kêu nên T3 sợ bỏ ra ngoài trước, còn T ở lại bắt được 07 con gà thì xách tải gà ra ngoài đường. T2 đi xe ô tô đến đón T3, N và T cho gà vào trong khoang ngồi rồi tiếp tục đi ra Đồng Luận. Đi ra cánh đồng xã Đồng Luận, T2 dừng xe cho T thả gà vào cốp xe. Khi đi đến cây xăng xã Đồng Luận, T2 dừng xe cho T3, T và H1 xuống xe đi bắt trộm gà, còn T2 và N ở trong xe đợi. T, T3 và H1 đi đến nhà ông Đàm Ngọc Đ - sinh năm 1964, ở khu 8 xã Đ thì T3 và H1 ngồi ở dốc cổng nhà ông Đ đợi, còn T đi vào chuồng gà nhà ông Đ bắt trộm gà. T bắt được 01 con gà thì có tiếng chó sủa nên ôm gà đi ra đường. T, T3 và H1 đi đến chỗ T2 và N đang đợi rồi lên xe cho gà vào khoang ngồi và T2 lái xe đi tiếp. Đi đến xã Đoan Hạ thì T2 dừng xe cho T thả gà vào cốp xe. Sau đó T chỉ đường cho T2 lái xe đi về nhà anh Phạm T1 – sinh năm 1985, ở khu 9 xã B là em họ của T để bắt trộm gà. Đến ngõ vào nhà anh T1, thì T2

dừng xe cho T, H1 và T3 xuống xe vào bắt gà còn T2 và N ở trên xe đơi. Vào đến nhà anh T1 thì T và T3 vào chuồng bắt trộm gà, còn H1 đứng ở đầu dốc bếp lỏi vào chuồng gà cảnh giới. T3 vạch tải cho T bắt gà thả vào tải. Khi bắt được đầy 01 tải gà, T xách ra cho lên xe ô tô rồi quay vào bắt tiếp. Lần này T bắt gà còn H1 vạch tải cho T thả gà vào, T3 thì đứng ở vị trí của H1 lúc trước cảnh giới. Khi đầy tải gà thì T xách tải gà cùng T3 và H1 đi ra đường, T cho gà lên khoang ngồi xe ô tô rồi lên xe để T2 lái xe đi. Đi được một đoạn thì T2 dừng xe cho T xuống xe thả gà vào cốp xe, rồi tất cả đi Hà Nội bán gà. Khoảng 5 giờ sáng khi đi đến thôn Cộng Hòa – xã Thái Hòa – huyện Ba Vì – thành phố Hà Nội, do buồn ngủ nên T2 lái xe đâm vào cột đèn đường nên bị Công an xã Thái Hòa và Công an huyện Ba Vì lập biên bản. Khi được hỏi về số gà trong cốp xe thì các đối tượng khai đó là gà của nhà T3, bắt để đem đi bán và cho người thân. Sau đó, T3 gọi điện cho em gái là Trần Thị Phương Th - sinh năm 1991, ở Khu 1, thị trấn T, huyện T đến bán hộ gà. Th đã bán cho một số người không quen biết tổng số 23kg được 1.490.000 đ, số gà còn lại Th biểu Ban Công an xã Thái Hòa 10 con, cho ông Bùi Phú T4 – sinh năm 1940 ở thôn C, xã Thái Hòa (là người cho mượn bu) 02 con. Số tiền bán gà Th đưa cho T 100.000đ (một trăm nghìn đồng) để T bắt xe về nhà, còn lại Th đưa hết cho T2, T2 dùng trả tiền thuê xe cẩu, còn lại cùng H1 và N đi Hà Nội ăn tiêu hết.

Ngày 24/4/2015, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Thủy có công văn đề nghị hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Thanh Thủy định giá số gà do T2, T, T3, Nhật và H1 trộm cắp của các bị hại. Tại biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng huyện Thanh Thủy xác định 34 con gà các loại có tổng giá trị là 6.520.000đ. Cụ thể:

- + 02 con gà mái, giống gà ta của bà Cao Thị H – sinh năm 1956, ở khu 2 xã T, trị giá 380.000đ.

- + 07 con gà, giống gà đỏ Bắc Giang của anh Quyết Đức P – sinh năm 1986, ở khu 4 xã T, trị giá 1.312.500đ.

- + 01 con gà mái, giống gà ta của ông Đàm Ngọc Đ – sinh năm 1964, ở khu 8 xã Đ, trị giá 237.500đ.

- + 24 con gà, giống gà ta lai mía của anh Phạm T1 – sinh năm 1986, ở khu 9 xã B trị giá 4.590.000đ.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được, ngày 16/02/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Lương Thanh N và Kiều Xuân T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009; Ngày 27/4/2015 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Hoàng T3 và Lương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009; Ngày 08/5/2015 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy Quyết định khởi tố bị can đối với Lương Đình H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009.

Quá trình điều tra, Kiều Xuân T2 và Lương Văn T còn khai nhận đã thực hiện 02 vụ Cướp giật tài sản trên địa bàn huyện Thanh Thủy, cụ thể như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Khoảng 21 giờ ngày 31/8/2014, Kiều Xuân T2 điều khiển xe máy Honda Dream BKS 19L1 - 077.xx của T2 chở Lương Văn T ngồi sau đi theo đường liên xã T3 Nghĩa đi Hoàng Xá. Khi đi đến khu 12 xã Hoàng Xá, T2 và T thấy chị Phùng Thị L - sinh năm 1998, ở khu 6 xã H đi xe đạp điện chở Phạm Thị Th1,

sinh năm 1998, ở khu 10 xã H ngồi sau đi cùng chiều phía trước. Tay trái chị L cầm chiếc điện thoại di động NOKIA ASA 210 để nghe nhạc. Thấy vậy T bảo T2 đi sát xe của chị L để T giật lấy điện thoại của chị L. T2 điều khiển xe áp sát bên ngoài xe của chị L, T dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại trong tay trái của chị L rồi T2 điều khiển xe tẩu thoát theo hướng đi Hoàng Xá, rồi về B. Khi về B, T đưa điện thoại cướp giật được cho T2. Sau khi bị cướp giật mất chiếc điện thoại, chị L đã gọi vào số máy của mình xin chuộc lại điện thoại thì T2 đồng ý và bảo chị L chuẩn bị 2.000.000đ rồi T2 hẹn chị L đến nhiều địa điểm khác nhau để chuộc điện thoại nhưng T2 không đến. Đến trưa ngày 02/9/2014, T2 hẹn chị L đến cầu Đoan Hạ để lấy điện thoại và yêu cầu chị L đem theo 500.000đ. T2 giấu điện thoại ở cống nước gần cầu Đoan Hạ rồi bảo chị L ra lấy và để tiền ở đây T2 sẽ đến lấy. Sau đó, chị L cùng người nhà làm theo yêu cầu của T2 nhưng T2 sợ bị người nhà chị L đi theo phát hiện, bắt giữ nên không dám đến lấy tiền. Chiếc điện thoại sau đó chị L đã làm mất khi đi làm thuê ở Thành phố Hà Nội. Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thanh Thủy xác định chiếc điện thoại của chị L có giá 600.000đ.

- **Vụ thứ hai:** Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 05/9/2014, Kiều Xuân T2 điều khiển xe máy Honda Dream BKS 19L1 - 077.xx của T2 chở Lương Văn T ngồi sau đi ra cánh đồng gần nghĩa trang xã B. Khi đi đến gần cổng trung tâm điều dưỡng người có công TP. Hà Nội thuộc khu 2 xã B, thì T và T2 thấy phía trước cùng chiều có chị Phà Thị H - sinh năm 1990, ở xã P, huyện Vĩ X, tỉnh H đi xe máy chở chị Phà Thị K, sinh năm 1988, ở xã P, huyện V, tỉnh H ngồi sau. Tay trái chị K cầm chiếc điện thoại di động Lenovo A309, vỏ màu trắng. Thấy vậy T bảo T2 đi sát xe máy đó để T giật lấy điện thoại của chị K. T2 điều khiển xe áp sát bên ngoài xe máy của chị H để T dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại trong tay trái của chị K rồi T2 điều khiển xe máy tẩu thoát theo hướng vào khu nghĩa trang xã B và đi về nhà. Hôm sau T đem chiếc điện thoại đó đến cửa hàng của anh Phạm Văn H1 - sinh năm 1967, ở khu 1 xã B bán được 500.000đ. Sau đó T2 và T cùng nhau đi chơi, ăn tiêu hết số tiền đó. Chiếc điện thoại sau đó đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Thủy thu giữ và trả cho chủ sở hữu. Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thanh Thủy định giá chiếc điện thoại của chị K có giá 500.000đ.

Căn cứ hành vi phạm tội, ngày 03/5/2015, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Thủy đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Kiều Xuân T2 và Lương Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009 và Quyết định nhập 03 vụ án trên thành 01 vụ án để điều tra.

Ngày 31/7/2015, Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy đã mở phiên tòa xét xử đối với Kiều Xuân T2; Lương Đình H1; Lương Thanh N và Trần Hoàng T3.

Đối với Lương Văn T, là người có sở điều trị ngoại trú tâm thần của Bệnh viện tâm thần tỉnh Phú Thọ. Ngày 31/3/2015 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã có Quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với Lương Văn T nhưng T đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã ra Quyết định truy nã đối với Lương Văn T. Đến ngày 08/5/2015 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Thủy đã bắt được Lương Văn T và cho đi giám định năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do thời hạn điều tra vụ án đã hết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Thủy đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 01 ngày 13/5/2015 đối với Lương Văn T, chờ có kết luận giám định.

Ngày 29/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy ra Quyết định trưng cầu giám định T3 tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc giám định pháp y tâm thần đối với Lương Văn T. Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 82 ngày 19/11/2018 của T3 tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc kết luận:

1. *Lương Văn T, sinh năm 1988, ở khu 2 xã B, huyện Thanh Thủy tỉnh Phú Thọ bị bệnh Tâm thần phân liệt giai đoạn ổn định (Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi - F20).*

2. *Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản ngày 30/12/2014, Cướp giật tài sản ngày 31/8/2014 và ngày 05/9/2014 Lương Văn T bị bệnh Tâm thần phân liệt giai đoạn ổn định, đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.*

3. *Hiện tại Lương Văn T bị bệnh Tâm thần phân liệt giai đoạn ổn định, đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.*

Ngày 29/10/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã ra Quyết định phục hồi điều tra bị can số 03 đối với Lương Văn T để tiếp tục điều tra. Tại cơ quan điều tra bị can Lương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hai lần hành vi Cướp giật tài sản, việc T cùng T2 đã dùng xe máy để cướp giật tài sản của chị L và chị K sau đó tẩu thoát nên hành vi của T là thuộc T2 hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm. Do đó hành vi Cướp giật tài sản của Lương Văn T bị xử lý theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009.

Hành vi trộm cắp tài sản của T đêm ngày 29/12/2014 bị khởi tố theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 và hành vi Cướp giật tài sản ngày 31/8/2014; ngày 05/9/2014 bị khởi tố theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009. Hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009 và quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là như nhau. Hình phạt quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là như nhau. Do đó, áp dụng quy định Hiệu lực của Bộ luật hình sự về thời gian thì hành vi trộm cắp tài sản của Lương Văn T cần được xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 và hành vi Cướp giật tài sản áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009.

Quá trình điều tra xác định Lương Văn T có 01 tiền án. Cụ thể: Tại bản án số 09/2011/HSST ngày 24/02/2011 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt Lương Văn T 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", trị giá tài sản trộm cắp là 18.400.000đ. Bị can chấp hành xong hình phạt tù, ra trại ngày 21/5/2011. Chấp hành xong các khoản án phí hình sự sơ thẩm và thu hồi để tịch thu sung công ngày 23/9/2014. Tuy nhiên, tính đến thời điểm bị can thực hiện các hành vi cướp giật tài sản ngày 31/8/2014 và ngày 05/9/2014, bị can chưa được xóa án tích đối với bản án nêu trên. Theo quy định của pháp luật thì các lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản trên đều đủ căn cứ xử lý về hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009. Do đó T vừa phạm tội nhiều lần, vừa thuộc T2 hợp tái phạm.

Quá trình điều tra, Lương Văn T và Trần Hoàng T3 đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại trong vụ Trộm cắp tài sản tổng số tiền 6.500.000đ, Tương ứng với trị giá

tài sản bị thiệt hại. Các bị hại đã nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời xin giảm nhẹ cho T3 và T.

Các bị hại trong vụ án Cướp giật tài sản đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng của vụ án đã được xử lý tại bản án số 44 ngày 31/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy nên không đề cập xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKSTT ngày 17 tháng 4 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Lương Văn T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138- Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138- Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 136 - BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm p, điểm q, điểm s, Khoản 1 Điều 51, điểm g, điểm h Khoản 1 Điều 52 – BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 36 đến 42 tháng tù. Về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 138 – BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm b, điểm p, điểm q, điểm s, Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, Điều 55 – BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 6 đến 9 tháng tù. Về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lương Văn T phải chấp hành cho cả 02 (Hai) tội từ 42 đến 51 tháng tù. Được khấu trừ 4 ngày tạm giữ từ ngày 08/5/2015 đến ngày 11/5/2015. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 19/4/2019.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 và Khoản 5 Điều 138 – Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 cho bị cáo Lương Văn T.

Xử lý vật chứng vụ án:

Xác nhận vật chứng vụ án đã được giải quyết tại bản án số 44/HS - ST ngày 31/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo Lương Văn T đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo Lương Văn T. Về hình phạt đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lương Văn T, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt về tội “*Cướp giật tài sản*” và tội “*Trộm cắp tài sản*” mà điều luật quy định để cho bị cáo T có cơ hội cải tạo tốt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu và chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại trong vụ án là bà Cao Thị H, anh Quyết Đức P, ông Đàm Ngọc Địch, anh Phạm T1, chị Phùng Thị L, chị Phà Thị K. Người làm chứng là anh Kiều XuânT2, anh Lương Đình H1, anh Phạm Thanh N, anh Trần Hoàng T3 đã được Toà án triệu tập tham gia tố tụng, nhưng họ đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa mà đề nghị tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử xét thấy các bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai, biên bản đối chất tại Cơ quan điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay không làm thay đổi đến bản chất, nội dung vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng họ là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy đã truy tố, không oan sai. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với vật chứng thu được, lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản đối chất và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 31/8/2014 và ngày 05/9/2014 bị cáo Lương Văn T, sinh năm 1988 đã cùng Kiều XuânT2, sinh năm 1990 cùng ở khu 2 xã B, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ dùng xe máy làm phương tiện đi cướp giật tài sản là 01 chiếc điện thoại di động Nokia ASA 210 có giá 600.000đ của chị Phùng Thị L, sinh năm 1988 ở khu 10 xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy và 01 chiếc điện thoại di động LENOVO A309 có giá 500.000đ của chị Phà Thị K, sinh năm 1988 ở xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang tại khu 2 xã B, huyện Thanh Thủy rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của bị cáo Lương Văn T là hành vi “*Cướp giật tài sản*” thuộcT2 hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm. Do vậy cần phải xử lý theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 – Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Ngày 29/12/2014 bị cáo Lương Văn T; Kiều XuânT2; Lương Đình H1 sinh năm 1990; Lương Thanh N, sinh năm 1994 đều trú tại xã B, huyện Thanh Thủy; Trần Hoàng T3, sinh năm 1990 ở khu 1 thị trấn T đã có hành vi trộm cắp 34 con gà của các gia đình bà Cao Thị H, sinh năm 1956 ở khu 2 xã T, anh Quyết Đức P, sinh năm 1986 ở khu 4 xã T, ông Đàm Ngọc Đ, sinh năm 1964 ở khu 8 xã Đ và anh Phạm T1, sinh năm 1986 ở khu 9 xã B. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Thanh Thủy là 6.520.000đ đã đến mức xử lý về hình sự. Hành vi của bị cáo Lương Văn T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”. Cần phải xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 – Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Điều 136 – Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định.

“ 1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội một trong các T2 hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

.....
d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm.”

Điều 138 - Bộ luật Hình sự quy định năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

1." Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ hai triệu đồng đến dưới năm triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo Lương Văn T là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự trong khu vực, tạo nên tâm lý hoang mang lo sợ trong khu dân cư và quần chúng nhân dân trong việc trông giữ, bảo vệ tài sản của mình. Với lỗi cố ý bị cáo T đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của các chủ sở hữu tài sản trong việc trông giữ, quản lý tài sản của mình, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản của các bị hại gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo T là người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực pháp luật, nhận thức được hành vi cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì không muốn làm lại muốn có tiền tiêu sài, nên bị cáo đã có hành vi cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản của người khác dẫn đến vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần đưa bị cáo ra xét xử và có hình phạt tương xứng với từng hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Lương Văn T là người có nhân thân xấu. Trước lần phạm tội này bị cáo đã bị Tòa án xét xử. Tại bản án số 09/2011/HSST ngày 24/02/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy xử phạt bị cáo Lương Văn T 6 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/5/2011, bị cáo chấp hành xong các khoản án phí hình sự và khoản thu hồi để tịch thu sung quỹ nhà nước ngày 23/9/2014. Tuy nhiên đến thời điểm bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản ngày 31/8/2014 và ngày 05/9/2014, bị cáo T chưa được xóa án tích đối với bản án nêu trên. Theo quy định của pháp luật thì các lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản trên đều đủ căn cứ xử lý hình sự theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 – Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, nên lần xét xử này bị cáo T thuộc T2 hợp “Tái phạm” và bị cáo T phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” và “phạm tội nhiều lần”. Sau khi chấp hành xong hình phạt trên bị cáo không ăn năn hối cải, sửa chữa lỗi lầm, tu dưỡng rèn luyện bản thân, làm ăn chân chính mà tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo đã coi thường pháp luật.

Xong trước khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, bị cáo Lương Văn T đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình,. Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 82 ngày 19/11/2018 của T3 tâm giám định pháp y tâm thần khu vực miền núi phía bắc kết luận bị cáo T bị tâm thần phân liệt giai đoạn ổn định do đó bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế điều khiển hành vi và bị cáo là đối tượng khuyết tật nặng đang được hưởng trợ cấp của nhà nước có xác nhận của UBND

huyện Thanh Thủy. Do đó bị cáo T được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, điểm q, điểm s Khoản 1 Điều 51 – BLHS năm 2015.

Trong quá trình điều tra bị cáo Lương Văn T và Trần Hoàng T3 đã bồi thường cho bà Cao Thị H, anh Quyết Đức P, ông Đàm Ngọc Đ, anh Phạm T1 là bị hại trong vụ trộm cắp tài sản. Tổng số tiền là 6.500.000đ Tương ứng với giá trị tài sản bị thiệt hại. Các bị hại đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm và đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Đối với chị Phùng Thị L, chị Phà Thị K là bị hại trong vụ án cướp giật tài sản, nay chị L, chị K đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường gì. Do đó bị cáo T được hưởng 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm p, điểm q, điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 – BLHS năm 2015. Trong vụ án này bị cáo T phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, điểm h Khoản 1 Điều 52 – BLHS năm 2015 về tội “*Cướp giật tài sản*”. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn Tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo lao động, cải tạo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 và Khoản 5 Điều 138 – Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì bị cáo Lương Văn T còn có thể bị phạt tiền. Theo xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy thì bị cáo T đang sống phụ thuộc vào gia đình, không có tài sản riêng. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo T là phù hợp.

Quá trình điều tra, bị cáo Lương Văn T và Trần Hoàng T3 đã tự nguyện bồi thường cho các bị hại trong vụ Trộm cắp tài sản tổng số tiền 6.500.000đ, Tương ứng với giá trị tài sản bị thiệt hại. Các bị hại đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm. Do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

Chị Phùng Thị L và chị Phà Thị K là bị hại trong vụ án Cướp giật tài sản đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xử lý vật chứng vụ án:

Xác nhận vật chứng vụ án đã được giải quyết tại bản án số 44/HS - ST ngày 31/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, nên HĐXX không giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí hình sự: Bị cáo Lương Văn T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ theo điểm d Khoản 2 Điều 136; Khoản 1 Điều 138 – BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn T phạm tội “*Cướp giật tài sản*” và tội “*Trộm cắp*”

tài sản".

Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 136 - BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm p, điểm q, điểm s, Khoản 1 Điều 51, điểm g, điểm h, Khoản 1 Điều 52 – BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 42 (Bốn hai) tháng tù. Về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 138 – BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm b, điểm p, điểm q, điểm s, Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51, Điều 55 – BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 9 (Chín) tháng tù. Về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lương Văn T phải chấp hành cho cả 02 (Hai) tội là 51 (Năm mươi một) tháng tù. Được khấu trừ 4 ngày tạm giữ từ ngày 08/5/2015 đến ngày 11/5/2015. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 19/4/2019.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 và Khoản 5 Điều 138 – Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 cho bị cáo Lương Văn T.

Xử lý vật chứng vụ án:

Xác nhận vật chứng vụ án đã được giải quyết tại bản án số 44/HS - ST ngày 31/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lương Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi họ cư trú để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh
- Sở T pháp
- THADS huyện, THA Hình sự
- Công an huyện
- UBND xã T, xã T
- UBND xã Đ, xã B
- UBND xã H, xã P
- Bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo
- Lưu hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Khoa Hương